

Số: 07/2020/QĐST-HNGĐ

Vũ Thư, ngày 31 tháng 01 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ', TỈNH THÁI BÌNH**

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 05/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh **Phan Ngọc T**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Chị **Dương Thị T2**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Ngọc T và chị Dương Thị T2 tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 24/11/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc ở xã T, huyện V đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Đến giữa năm 2013 vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ không ai quan tâm đến ai. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên có khuyên bảo, động viên nhưng không có kết quả. Nay anh T và chị T2 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc nên anh chị đã bàn bạc thống nhất thuận tình ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, anh chị vẫn kiên

quyết đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc nên cần công nhận thuận tình ly hôn cho anh Phan Ngọc T và chị Dương Thị T2.

[2] Về quan hệ con chung: Anh Phan Ngọc T và chị Dương Thị T2 có 02 con chung là Phan Như Q, sinh ngày 31/5/2008 và Phan Duy C, sinh ngày 14/01/2012, hiện nay con Q đang ở với chị T2, con C đang ở với anh T. Ly hôn anh T, chị T2 đều thống nhất giao con Q cho chị T2 trực tiếp nuôi dưỡng, giao con C cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T và chị T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phan Ngọc T và chị Dương Thị T2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh Phan Ngọc T và chị Dương Thị T2 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3] Về quan hệ tài sản: Anh Phan Ngọc T và chị Dương Thị T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Phan Ngọc T tự nguyện nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên đây của anh T và chị T2 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Ngọc T và chị Dương Thị T2 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Phan Ngọc T và chị Dương Thị T2 thỏa thuận, giao con Phan Như Q, sinh ngày 31/5/2008 cho chị T2 trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Phan Duy C, sinh ngày 14/01/2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T và chị T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phan Ngọc T và chị Dương Thị T2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh Phan Ngọc T và chị Dương Thị T2 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

- Về tài sản chung: Anh Phan Ngọc T và chị Dương Thị T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phan Ngọc T tự nguyện nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0003704 ngày 13/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Anh Phan Ngọc T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình (Giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 24/11/2006);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Hương**